

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 4 năm 2020

Kính gửi:

Triển khai thực hiện Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường (Nghị định số 40) và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40 và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (Thông tư số 25). Sở Tài nguyên và Môi trường (TNMT) hướng dẫn các chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện quy định về Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2020 cụ thể như sau:

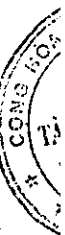
I. Đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ

1. Đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ

- Các cơ sở, khu công nghiệp và dự án đã đi vào vận hành có quy mô, công suất tương đương với đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và có tổng khối lượng nước thải thải ra môi trường (theo tổng công suất thiết kế của các hệ thống xử lý nước thải hoặc theo khối lượng nước thải đã được phê duyệt trong báo cáo ĐTM và các hồ sơ tương đương) từ 20 m³/ngày trở lên, trừ các trường hợp đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Tần suất quan trắc nước thải định kỳ là 03 tháng/lần.

- Các cơ sở, dự án đã đi vào hoạt động, có quy mô công suất tương đương với đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (KHBVMT) và có tổng khối lượng nước thải thải ra môi trường (theo tổng công suất thiết kế hoặc theo khối lượng nước thải đã đăng ký trong KHBVMT) từ 20 m³/ngày trở lên, trừ các trường hợp đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Tần suất quan trắc nước thải định kỳ là 06 tháng/lần.

- Các cơ sở quy định nêu trên đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Tần suất tối đa không quá tần suất quy định nêu trên.



Khuyến khích các cơ sở không thuộc đối tượng quy định nêu trên thực hiện quan trắc nước thải định kỳ, làm cơ sở để đánh giá sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; trường hợp nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, phải rà soát lại hệ thống xử lý nước thải hoặc cải tạo, nâng cấp công trình xử lý nước thải bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

**Lưu ý:*

+ *Thông số quan trắc nước thải định kỳ: quy định trong báo cáo ĐTM, KHBVMT được xác nhận hoặc các hồ sơ tương đương hoặc chương trình quan trắc và giám sát môi trường định kỳ đã được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình hoạt động của dự án, cơ sở, khu công nghiệp tại giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc các văn bản xác nhận, điều chỉnh khác có liên quan;*

+ *Về tần suất quan trắc: nếu tần suất quan trắc định kỳ đã được phê duyệt tại hồ sơ ĐTM, KHBVMT hoặc các văn bản điều chỉnh thấp hơn tần suất quy định nêu trên thì thực hiện theo tần suất quy định nêu ở trên; nếu cao hơn thì Doanh nghiệp có thể đề nghị cơ quan phê duyệt hồ sơ môi trường điều chỉnh cho phù hợp với quy định (nếu cần thiết). Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hoặc quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường do Bộ TNMT ban hành có quy định về tần suất quan trắc một số thông số ô nhiễm đặc thù theo ngành, lĩnh vực thì thực hiện theo quy chuẩn đó.*

2. Đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ

- Các cơ sở và dự án đã đi vào vận hành có quy mô, công suất tương đương với đối tượng phải lập báo cáo ĐTM và có tổng lưu lượng khí thải thải ra môi trường từ 5.000 m³ khí thải/giờ trở lên (theo tổng công suất thiết kế của các hệ thống, thiết bị xử lý khí thải hoặc theo lưu lượng khí thải đã được phê duyệt trong báo cáo ĐTM và các hồ sơ tương đương), phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ với tần suất là 03 tháng/01 lần.

- Các cơ sở, dự án đã đi vào hoạt động có quy mô, công suất tương đương với đối tượng phải đăng ký KHBVMT và có tổng lưu lượng khí thải thải ra môi trường từ 5.000 m³ khí thải/giờ trở lên (theo tổng công suất thiết kế của các hệ thống, thiết bị xử lý khí thải hoặc theo lưu lượng khí thải đã đăng ký trong kế hoạch bảo vệ môi trường), phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ với tần suất là 06 tháng/01 lần.

Khuyến khích các cơ sở không thuộc đối tượng quy định nêu trên thực hiện quan trắc khí thải định kỳ, làm cơ sở để đánh giá sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; trường hợp khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, phải rà soát lại hệ thống, thiết bị xử lý khí thải hoặc cải tạo, nâng cấp hệ thống, thiết bị xử lý khí thải bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

trước khi xả thải ra môi trường.

**Lưu ý:*

+ *Thông số quan trắc khí thải định kỳ: quy định trong báo cáo ĐTM, KHBVMT được xác nhận hoặc các hồ sơ tương đương hoặc chương trình quan trắc và giám sát môi trường định kỳ đã được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình hoạt động của dự án, cơ sở, khu công nghiệp tại giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc các văn bản xác nhận, điều chỉnh khác có liên quan;*

+ *Về tần suất quan trắc: nếu tần suất quan trắc định kỳ đã được phê duyệt tại ĐTM, KHBVMT hoặc các văn bản điều chỉnh thấp hơn tần suất quy định nêu trên thì thực hiện theo tần suất quy định nêu ở trên; nếu cao hơn thì Doanh nghiệp có thể đề nghị cơ quan phê duyệt hồ sơ môi trường điều chỉnh cho phù hợp với quy định (nếu cần thiết).*

3. Đối tượng phải phân định bùn thải

Đối với việc quan trắc bùn thải thực hiện theo hồ sơ ĐTM, KHBVMT đã được phê duyệt. Các cơ sở, dự án đã đi vào hoạt động thực hiện quản lý bùn thải phát sinh theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Lưu ý: Sở TNMT đã có văn bản số 800/STNMT-CCBVMT ngày 09/3/2020 gửi Bộ TNMT đề nghị hướng dẫn cụ thể một số nội dung trong đó có liên quan đến việc quan trắc định kỳ đối với bùn thải, Sở sẽ có hướng dẫn chi tiết sau khi nhận được văn bản hướng dẫn của Bộ TNMT.

4. Đối với các dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường nhưng chưa đi vào vận hành.

Chủ dự án thực hiện chương trình quan trắc môi trường (tần suất, thông số, vị trí) trong giai đoạn xây dựng theo nội dung báo cáo ĐTM hoặc KHBVMT đã được phê duyệt, xác nhận.

II. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ

Các đối tượng quy định tại Mục I phải xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở TNMT trường trước ngày 31/12/2020 để theo dõi, giám sát; trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM của bộ, cơ quan ngang bộ thì đồng thời gửi kế hoạch cho Bộ TNMT. Việc lập kế hoạch căn cứ vào các nội dung sau:

- Chương trình quan trắc và giám sát môi trường định kỳ trong báo cáo và quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, KHBVMT được xác nhận hoặc các hồ sơ

tương đương hoặc chương trình quan trắc và giám sát môi trường định kỳ đã được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình hoạt động của dự án, cơ sở, khu công nghiệp tại giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc các văn bản xác nhận, điều chỉnh khác có liên quan;

- Các loại chất thải phát sinh theo từng nguồn, điểm xả thải; thành phần môi trường phải quan trắc; tần suất và thông số quan trắc môi trường định kỳ.

Lưu ý: Quy định về quan trắc môi trường định kỳ tại Nghị định số 40 được thực hiện từ ngày 01/01/2020 do vậy, Kế hoạch quan trắc môi trường nêu tại mục này được thực hiện cho năm 2021.

III. Biểu mẫu, thời gian, cơ quan tiếp nhận báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2020

1. Biểu mẫu

Quy định tại Phụ lục VI Thông tư số 25 (được đăng tải trên trang Web <https://stnmt.khanhhoa.gov.vn/> của Sở TNMT mục Môi trường); Chủ dự án, cơ sở có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo đề cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra.

2. Thời gian báo cáo

Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo. Báo cáo lần đầu được gửi trước ngày 31 tháng 01 năm 2021.

3. Cơ quan tiếp nhận

- Cơ quan đã phê duyệt, xác nhận báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ về môi trường tương đương của dự án, cơ sở.

- Sở Tài nguyên và Môi trường (nơi dự án, cơ sở có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ).

Lưu ý:

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2020 thay thế cho báo cáo quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quan trắc tự động liên tục, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý phế liệu nhập khẩu, kết quả giám sát và phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.

-Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp

thực hiện chế độ báo cáo theo quy định về bảo vệ môi trường khu công nghiệp.

IV. Điều kiện đối với đơn vị thực hiện lấy mẫu, phân tích mẫu

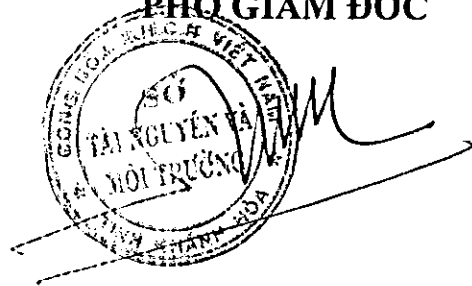
Đơn vị thực hiện việc lấy, phân tích mẫu môi trường phải được Bộ TNMT cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (có phạm vi, lĩnh vực được cấp Giấy chứng nhận phù hợp).

Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị liên hệ: Chi cục Bảo vệ môi trường - Số 14 Hoàng Hòa Thám, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa; điện thoại: (0258) 3.815.650 – 3.810.767) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên (theo danh sách);
- UBND tỉnh (để b/c);
- BQL KKT Vân Phong (p/h);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (p/h);
- Lưu: VT, CCBVMT, Q.V.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Đồng

